UBND TỈNH NINH THUẬN
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1489/SCT-VP

Ninh Thuận, ngày 04 tháng 7 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 06 THÁNG NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 06 tháng năm 2024 như sau:

Đơn vị: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách**				
I	**Số thu phí**	**105,9**	**36,1**	**34%**	
1	Phí cấp phép về an toàn vệ sinh thực phẩm	15	8	53%	
2	Phí cấp phép vật liệu nổ công nghiệp	24	3,5	15%	
3	Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	16,2	23,8	147%	
4	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	47,5		0%	
5	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	3,2	0,8	25%	
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	***Chi quản lý hành chính***				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí nộp ngân sách nhà nước**	**105,9**	**36,1**	**34%**	
1	Phí cấp phép về an toàn vệ sinh thực	15	8	53%	

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2024	Ước thực hiện 6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
	phẩm				
2	Phí cấp phép vật liệu nổ công nghiệp	24	3,5	15%	
3	Phí cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh	16,2	23,8	147%	
4	Phí thẩm định thiết kế cơ sở	47,5		0%	
5	Phí thẩm định cấp giấy phép hoạt động điện lực	3,2	0,8	25%	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**10.765,69**	**4.150,63**	**39%**	
1	**Chi quản lý hành chính**	**9.486,84**	**4.150,63**	**44%**	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	4.891,71	2.589,08	53%	
	- Chi thường xuyên theo định mức	*4.833,91*	*2.589,08*	54%	
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	*57,8*		0%	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	4.595,13	1.561,54	34%	
	- Chi thường xuyên theo định mức	*4.314,40*	*1561,54*	36%	
	- 10% tiết kiệm chi thường xuyên	*280,73*		0%	
2	**Chi sự nghiệp kinh tế**	**1.270,85**		**0%**	
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.270,85		0%	
3	**Chi Chương trình mục tiêu**	**8**		**0%**	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	**8**		0%	

Nơi nhận:
- Sở Tài chính;
- GĐ và các PGĐ;
- Các phòng CM;
- Website Sở (PN Thông);
- Niêm yết bảng thông báo;
- Lưu: VT, $VP_{Kto.}$

GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH NINH THUẬN

Võ Đình Vinh